

Số: 142/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-KĐCL ngày 21/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 31;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-KĐCL ngày 27/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 31 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 31 ngày 19/12/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 47 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 94%,

trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

0 3/2/11

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 142/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt		
Tiêu chuẩn 1		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4.00	5	100%		
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4					
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4					
Tiêu chuẩn 2		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4					
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4					
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8						
Tiêu chí 2.3	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.1	4	4.20	5	100%		
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.4	5
Tiêu chí 3.3	4	4.33	3	100%	Tiêu chí 8.5	4					
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chí 4.1	4	Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 4.2	5	Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	5	4.00	4	80%	Tiêu chí 9.2	4	4.00	5	100%		
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4					
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 9.4	4
Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 5.2	4	4.00	7	100%	Tiêu chuẩn 10					4.17	6
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4					
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4					
Tiêu chí 5.5	5				Tiêu chí 10.3	4					
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	5					
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4					
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4					
Tiêu chí 6.3	4	4.20	5	100%	Tiêu chuẩn 11		4.20	5	100%		
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	5					
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4					
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4					
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4					
					Tiêu chí 11.5	4					
Đánh giá chung CTĐT					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
					47		94%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH SƯ PHẠM MỸ THUẬT CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 142/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật (CTĐT) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT khá rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Chuẩn đầu ra thể hiện được yêu cầu chuyên biệt về ngành đào tạo. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần có đầy đủ thông tin chính về CTĐT và học phần. Chương trình dạy học được rà soát, cập nhật, có cấu trúc và trình tự logic, thể hiện gắn kết, liên mạch giữa các khối kiến thức. Các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng, phù hợp, có sự kết hợp giữa phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp dạy học tích cực, hiện đại, hướng tới đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm, các hoạt động ngoại khóa, các hội thi, các học phần bồi dưỡng kỹ năng mềm và kỹ năng làm việc được chú trọng. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định và hướng dẫn; kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp người học cải tiến việc học tập; quy trình phúc tra phúc khảo dễ tiếp cận. Đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ cho CTĐT được quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng; kết quả thực hiện công việc được giám sát, đánh giá thường xuyên; giảng viên có năng lực chuyên môn và năng lực nghiên cứu khoa học; kết quả nghiên cứu khoa học đạt được đáng khích lệ và được ứng dụng hiệu quả vào cải tiến việc dạy và học. Chính sách, quy định tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được cập nhật. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập của người học và các hoạt động hỗ trợ người học khá đa dạng, hiệu quả. Cơ sở vật chất và các trang thiết bị và môi trường cảnh quan sư phạm được quan tâm đầu tư. Hệ thống khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan được thiết lập và vận hành khá hiệu quả; quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá được rà soát thường xuyên và có những cải tiến; kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào cải tiến việc dạy và học. Cơ sở dữ liệu về kết quả đầu ra được xác lập và quản lý tốt, mức độ sẵn sàng cao. Tỷ lệ sinh viên thôi học thấp, tỷ lệ tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm khá cao. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đã được quan tâm, bước đầu đạt được một số thành tích đáng khích lệ; đặc thù và thế mạnh của CTĐT về sáng tác và triển lãm mỹ thuật được phát huy. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT được khảo sát; kết quả phân tích góp phần nhận diện và cải tiến hoạt động đào tạo và hỗ trợ người học.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và

đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Bám sát yêu cầu Khung trình độ quốc gia Việt Nam, tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, phân tích yêu cầu của thị trường lao động để rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra thể hiện đầy đủ yêu cầu đối với trình độ Bậc 6 và năng lực của sinh viên tốt nghiệp phù hợp với cơ hội việc làm tại các trường tiểu học, mầm non các cơ sở đào tạo nghề, đào tạo đại học có ngành kỹ thuật; cập nhật yêu cầu về tinh thần khởi nghiệp, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phù hợp với triết lý “Đào tạo người học thích ứng với sự thay đổi”.

2. Cập nhật đầy đủ thông tin về CTĐT trong bản mô tả CTĐT; rà soát, điều chỉnh đề cương các học phần; cập nhật tài liệu học tập, bổ sung nội dung học phần đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn đầu ra; xác định chuẩn xác giờ tín chỉ theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; đa dạng hơn nữa các hình thức công khai bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần trên các kênh trực tuyến với chế độ truy cập phù hợp để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, sử dụng hiệu quả hơn cho mục đích công việc.

3. Rà soát ma trận liên kết giữa học phần với chuẩn đầu ra cho chính xác, phù hợp, từ đó xác định lựa chọn các học phần cũng như nội dung kiến thức phù hợp để đảm bảo các học phần đều có đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; nghiên cứu bổ sung hoặc thay thế một số học phần mới để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, giáo dục pháp luật theo yêu cầu Khung trình độ quốc gia Việt Nam; thực hiện hiệu quả việc phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động để làm cơ sở điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực và vị trí việc làm.

4. Tích cực triển khai hệ thống LMS, tăng cường các chính sách thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; rà soát tổng thể và chi tiết hóa các nội dung hướng dẫn tự học trong đề cương chi tiết học phần; tăng cường các hoạt động hướng nghiệp và phát triển ý tưởng khởi nghiệp, đa dạng hóa các cơ sở thực hành thực tập phù hợp với vị trí công việc tương lai của người học tốt nghiệp; định kỳ đánh giá hiệu quả sử dụng và mức độ ứng dụng các phương pháp dạy và học nhằm đổi mới các phương pháp dạy và học đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.

5. Tiếp tục phát triển ngân hàng câu hỏi thi cho các học phần khối cơ sở ngành, phát triển ngân hàng câu hỏi cho các học phần chuyên ngành; hoàn thành các rubrics đánh giá định kỳ và cuối kỳ đáp ứng các đặc thù của ngành sư phạm kỹ thuật về mức độ sáng tạo, thẩm mỹ hay truyền cảm hứng; rà soát nội dung đề thi bám sát yêu cầu thực hiện các chuẩn đầu ra học phần; nghiên cứu phát triển các bộ công cụ đánh giá chuẩn đầu ra về phẩm chất của sinh viên để xác thực mức độ đạt được chuẩn đầu ra; khẩn trương triển khai thực hiện đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

6. Có chiến lược, chính sách đặc thù và xây dựng môi trường đãi ngộ hấp dẫn trong tuyển mộ, giữ chân và phát triển giảng viên trình độ cao, đầu ngành; xây dựng và ban

==
-
TÁ
N
Đ
JC
-
==

hành khung năng lực, xác định mức năng lực theo từng mốc giai đoạn đối với vị trí việc làm giảng viên để đánh giá và đào tạo theo tiếp cận năng lực; cụ thể hóa nhiệm vụ kết nối, phục vụ cộng đồng đối với giảng viên để đánh giá, ghi nhận và truyền thông; xây dựng bộ chỉ số KPIs và phương thức đánh giá thường kỳ về kết quả thực hiện giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo vị trí việc làm; có các chính sách, cơ chế cụ thể hỗ trợ giảng viên trẻ nghiên cứu khoa học và thúc đẩy mạnh mẽ hơn các nghiên cứu liên ngành, ứng dụng gắn với chuyển giao kết quả.

7. Xây dựng kế hoạch trung hạn, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; xem xét điều chỉnh tiêu chuẩn tuyển dụng chuyên viên theo hướng nâng cao trình độ, ưu tiên những người có trình độ cao hoặc tốt nghiệp tại các trường đại học có uy tín ở trong nước và nước ngoài; giảm tỉ lệ tiến tới ngừng áp dụng mô hình cán bộ quản lý các phòng chức năng có chức danh giảng viên nhưng không tham gia giảng dạy để tăng tính chuyên nghiệp, chuyên trách của đội ngũ; có phương án điều chuyển, bổ sung vị trí trợ lý đào tạo, quản lý sinh viên, văn thư thay cho mô hình giảng viên kiêm nhiệm các công tác này tại Khoa.

8. Nghiên cứu phân tích các dữ liệu tuyển sinh để đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo số lượng thí sinh nhập học hằng năm theo chỉ tiêu; hoàn thiện phương án tuyển sinh theo tiếp cận năng lực, tiếp cận giá trị để phù hợp với quan điểm phát triển CTĐT; quan tâm khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, tăng cường hơn nữa các điều kiện cơ sở vật chất để tạo nên môi trường tâm lý và sự thoải mái cho người học; tổ chức định kỳ các hội nghị/hội thảo tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho người học để có giải pháp cải tiến phù hợp.

9. Rà soát kịp thời các thiết bị trên các giảng đường hiện đã xuống cấp; từng bước sắp xếp để mỗi giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt theo quy định về chuẩn cơ sở giáo dục đại học; đẩy nhanh tốc độ số hoá các tài liệu nội sinh, sách, giáo trình hiện có và lắp đặt thêm máy điều hoà cho các phòng đọc của thư viện; có chính sách đầu tư, khuyến khích giảng viên biên soạn giáo trình, bài giảng điện tử/bài giảng E-Learning; đầu tư, bổ sung các thiết bị mới và nâng cấp các phòng thực hành chuyên môn; sớm hoàn chỉnh quy định tổng thể về công tác thu gom và phân loại rác thải, trong đó có thu gom và xử lý hoá chất độc hại, hạn chế chất thải nhựa.

10. Tiếp tục hoàn thiện việc phát triển CTĐT theo quan điểm đã xác định; hoàn chỉnh chuẩn đầu ra và phân nhiệm đầy đủ vào các học phần và thiết kế các hoạt động dạy - học, kiểm tra đánh giá phù hợp; đánh giá tác động, hiệu quả của sự thay đổi CTĐT sau thời gian triển khai; tiếp tục phát huy vai trò của các hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong và hoàn thiện hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan; chuẩn hoá các công cụ khảo sát để đảm bảo độ tin cậy và giá trị của thông tin thu được; tăng cường các hoạt động “Kiểm tra” và “Cải tiến” để hoàn thiện chu trình cải tiến chất lượng liên tục làm cơ sở cải tiến các hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá đảm bảo tương tích, phù hợp với chuẩn đầu ra và để không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT. *w*

11. Xác định chiến lược xây dựng thương hiệu dựa trên kết quả đầu ra với các chỉ số cụ thể và có khả năng cạnh tranh cao về tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, cựu sinh viên thành đạt trong và ngoài nước; số lượng sinh viên đạt các giải thưởng khoa học cấp quốc gia và quốc tế; số sinh viên khởi nghiệp thành công, trên cơ sở đó tập trung đầu tư, xây dựng cơ sở dữ liệu cho quản trị và truyền thông để tạo cảm hứng và tăng niềm tin cho tập thể sư phạm và người học trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa và CTĐT.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. ✓

H